

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 04 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Bền

Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

L N A, sinh năm 1990 tại huyện G R, tỉnh K G. Nơi cư trú: Ấp V T, xã V T, huyện G R, tỉnh K G; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L V M, sinh năm 1969 và bà N T T, sinh năm 1971; tiền án: Có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tại bản án số 45/2017/HS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện G R, tỉnh K G xử phạt 04 năm tù, đã chấp hành hình phạt tù nhưng chưa bồi thường trách nhiệm dân sự và bản án số 03/2021/HS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện G Q, tỉnh K G xử phạt 09 tháng tù, đã chấp hành xong; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu.

Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 11/10/2021, đến ngày 14/10/2021 Cơ quan

cảnh sát điều tra Công an huyện G R ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với bị cáo cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

- Bà P K C, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp N H, xã L T, huyện G R, tỉnh K G (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Ông N V G, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp N H, xã L T, huyện G R, tỉnh K G (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông N T V, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp N H, xã L T, huyện G R, tỉnh K G (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2021, L N A đi xe ôm từ chợ G R đến khu vực xã L T, huyện G R, tỉnh K G để tìm tài sản trộm. L N A đi bộ dọc theo lộ tuyến cấp sông C B thuộc ấp N H, xã L T, huyện G R, tỉnh K G, bị cáo vào nhà bà P K C lấy trộm 01 (một) đồng hồ đeo tay loại dây da, mặt màu đồng hiệu Dior, 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Live 4. Sau khi lấy trộm tài sản nhà bà C, bị cáo tiếp tục vào nhà ông N V G cạnh bên lấy trộm số tiền 155.000 đồng của ông G. Sau đó, bị cáo đi đến nhà anh N T V để tiếp tục tìm tài sản lấy trộm thì bị anh V phát hiện bắt giữ giao cơ quan công an xử lý.

** Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/TĐG-CT/HĐĐG ngày 25/11/2021 của hội đồng định giá huyện Giồng Riềng kết luận:*

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Live 4, màu đen - lam - ngọc. Số Imel 1: 354581112409934, số imel 2: 354581112409942, đã qua sử dụng.

Theo giá thị trường thời điểm hiện tại: Tỷ lệ còn lại 70% 3.290.000 đồng x 70% = 2.380.000 đồng.

+ 01 (một) đồng hồ đeo tay (đã bị hỏng) nhãn hiệu Dior, dây da màu đen, đã qua sử dụng.

Không xác định được giá trị do không rõ nước sản xuất.

Tổng cộng 2,380,000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). (Bút lục số 17, 18).

Xét về nhân thân: L N A có nhân thân xấu, bị can có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa xóa án tích, lần phạm tội này được xem là tái phạm nguy hiểm.

Về vật chứng:

- + 01 (một) đồng hồ đeo tay dây da, mặt màu đồng, nhãn hiệu Dior;
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Live 4 màu đen - lam - ngọc, số Inel 1: 354581112409934, số imel 2: 354581112409942, đã qua sử dụng.
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ - đen, số Imel 358625105345385, đã qua sử dụng.
- + 03 (ba) lưỡi lam còn trong bao, chưa qua sử dụng;
- + Tiền Việt Nam 202.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả cho:

- Bà P K C 01 (một) đồng hồ đeo tay dây da, mặt màu đồng, nhãn hiệu Dior; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Live 4 màu đen - lam - ngọc, số Imel 1: 354581112409934, số imel 2: 354581112409942, đã qua sử dụng;
- Ông N V G số tiền 155.000 đồng;
- Trao trả cho L N A 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ - đen, số Imel 358625105345385, đã qua sử dụng; 03 (ba) lưỡi lam còn trong bao, chưa qua sử dụng; Tiền Việt Nam 47.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 20/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G R đã truy tố bị cáo L N A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo L N A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định nói trên.

Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo L N A mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ không có yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả cho:

- Bà P K C 01 (một) đồng hồ đeo tay dây da, mặt màu đồng, nhãn hiệu Dior; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart live 4 màu đen - lam - ngọc, số Imel 1: 354581112409934, số imel 2: 354581112409942, đã qua sử dụng;

- Ông N V G số tiền 155.000 đồng.

- Trao trả cho L N A 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ - đen, số Imel 358625105345385, đã qua sử dụng; 03 (ba) lưỡi lam còn trong bao, chưa qua sử dụng; Tiền Việt Nam 47.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị. Trong thời gian tạm giam bị cáo thấy ăn năng hối hận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo L N A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cụ thể: Khoảng 00 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2021, L N A đi xe ôm từ chợ G R đến khu vực xã L T, huyện G R, để tìm tài sản lấy trộm. L N A đi bộ dọc theo lộ tuyến cấp sông Cái Bé thuộc ấp N H, xã L T, huyện G R, vào nhà bà P K C lấy trộm 01 (một) đồng hồ đeo tay loại dây da, mặt màu đồng hiệu Dior, 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Live 4. Sau khi lấy trộm tài sản nhà bà C, L N A tiếp tục sang nhà ông N V G cạnh bên lấy trộm số tiền 155.000 đồng của ông G. Sau đó, bị cáo đi đến nhà anh N T V dự định vào nhà để tiếp tục tìm tài sản lấy trộm thì bị anh V phát hiện bắt giữ giao cơ quan công an xử lý.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo L N A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

"1.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức, b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng,*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*
- đ) Hành hung để tẩu thoát;*
- e) Tài sản là bảo vật quốc gia;*
- g) Tái phạm nguy hiểm... ”.*

[3]. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của ông G và bà C mà còn gây mất an ninh trật tự trong khu vực, làm cho người dân hoang mang bất an. Hành vi của bị cáo thể hiện rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, bị cáo đã chấp hành hai bản án về tội trộm cắp tài sản (chưa xóa án tích), nay bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Nên cần phải xử nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài, tương xứng mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm mục đích răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra đến trước phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên bị cáo có nhân thân xấu.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ không có yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả cho:

- Bà P K C 01 (một) đồng hồ đeo tay dây da, mặt màu đồng, nhãn hiệu Dior; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Live 4 màu đen - lam - ngọc, số Imel 1: 354581112409934, số imel 2: 354581112409942, đã qua sử dụng;

- Ông N V G số tiền 155.000 đồng;

- Trao trả cho L N A 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đỏ - đen, số Imel 358625105345385, đã qua sử dụng; 03 (ba) lưỡi lam còn trong bao, chưa qua sử dụng; Tiền Việt Nam 47.000 đồng.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo L N A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo L N A 02 (hai) năm 06 (sáu) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 11 tháng 10 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông N V G và bà P K C đã được nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự, ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả cho:

- Bà P K C 01 (một) đồng hồ đeo tay dây da, mặt màu đồng, nhãn hiệu Dior; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Live 4 màu đen - lam - ngọc, số Imel 1: 354581112409934, số imel 2: 354581112409942, đã qua sử dụng;

- Ông N V G số tiền 155.000 đồng;

- Trao trả cho L N A 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đỏ - đen, số Imel 358625105345385, đã qua sử dụng; 03 (ba) lưỡi lam còn trong bao, chưa qua sử dụng; Tiền Việt Nam 47.000 đồng.

4. Về án phí: Bị cáo L N A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/3/2022). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K G;
- VKSND huyện G R;
- Chi cục THADS huyện G R;
- Cơ quan điều tra Công an huyện G R;
- Cơ quan THA hình sự huyện G R;
- UBND xã, phường (tt) nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

L V H C